BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Số: 7393/KBNN-KTNN
V/v phối hợp tổ chức khảo sát về công tác kế toán và lập báo cáo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẾN Số: 76080
Ngày: 26/10/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi

Để nắm bắt thực trạng công tác kế toán và lập báo cáo gửi các cơ quan có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước (KBNN) phối hợp với Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài chính và Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính tổ chức đoàn công tác khảo sát tại Quý đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian và nội dung khảo sát

- Thời gian: 1,5 ngày, trong tuần từ ngày 23-27/11/2026 (thời gian cụ thể sẽ thống nhất sau).
- Nội dung khảo sát: chi tiết tại Phụ lục gửi kèm.

2. Thành phần

- Trưởng đoàn: Lãnh đạo Ban Kế toán nhà nước, KBNN.

- Lãnh đạo và công chức các Phòng, Ban của KBNN, Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán; Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính).

- Chuyên gia tư vấn trong nước, cán bộ dự án Tăng cường quản trị kinh tế tại Việt Nam do Liên minh Châu Âu và Chính phủ Đức tài trợ (GIZ).

(Tổng số 12 người)

3. Nội dung đề nghị phối hợp

Để bảo đảm chất lượng và hiệu quả của công tác khảo sát, đề nghị Quý đơn vị:

- Bố trí địa điểm làm việc với đoàn khảo sát và cử đại diện là Lãnh đạo và chuyên viên của các bộ phận liên quan đến nội dung khảo sát làm việc với Đoàn công tác;

- Gửi giấy mời cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, một số Ủy ban nhân dân xã/phường, trường Tiểu học, Trung học cơ sở cử Lãnh đạo và các công chức phụ trách các nội dung khảo sát tham dự.

(Đầu mối liên hệ cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa, số điện thoại 0984.870.471).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục QLKT, Cục QLCS (để cử người tham dự);
- KBNN khu vực XV (để cử người tham dự);
- Văn phòng GIZ (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTNN (giangdth01, 04 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ TÀI CHÍNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Nguyễn Mạnh Cường

Phụ lục

NỘI DUNG KHẢO SÁT

(Kèm theo Công văn số 7393 /KBNN-KTNN ngày 22 /10/2026 của Kho bạc Nhà nước)

I. Về công tác kế toán, lập Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất

1. Công tác tổ chức kế toán của các đơn vị tại địa phương được thực hiện như thế nào? Quý đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc gì khi áp dụng Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và Thông tư số 108/2025/TT-BCT hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp; trong đó tập trung vào nội dung về kế toán, báo cáo thông tin về tài sản cố định và tài sản kết cấu hạ tầng, phạm vi hợp nhất của báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Trong phạm vi tài sản nhà nước do đơn vị được giao quản lý, có tài sản nào chưa được kế toán, tổng hợp vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của các đơn vị tại địa phương? Nguyên nhân và đề xuất giải pháp?

3. Việc phân loại, xác định ranh giới giữa tài sản kết cấu hạ tầng và tài sản cố định tại địa phương hiện nay được thực hiện như thế nào? Việc phân loại tài sản hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục đào tạo với các TSCĐ tại các đơn vị như thế nào? Trong quá trình thực hiện, đơn vị có gặp khó khăn, vướng mắc do chưa thống nhất về tiêu chí, nguyên tắc phân loại giữa hai nhóm tài sản này hay không? Đề nghị đơn vị nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định, hướng dẫn, bảo đảm việc phân loại, ghi nhận và quản lý tài sản được thống nhất.

4. Nguyên nhân chênh lệch[1] giữa số liệu tài sản cố định (TSCĐ), tài sản kết cấu hạ tầng (TSKCHT) của địa phương tổng hợp trên Báo cáo TCNN và số liệu Tổng kiểm kê.

---

[1] *Theo tổng hợp ý kiến của các địa phương, các nguyên nhân dẫn đến chênh lệch TSKCHT chủ yếu như sau:*

- Phạm vi tài sản khác nhau: Một số tài sản KCHT (khu xử lý rác, kho bãi, đường nội đồng, kênh mương nội đồng,...) được tổng hợp trên Báo cáo TCNN nhưng không được tổng hợp trên Báo cáo tổng kiểm kê do không thuộc phạm vi tổng kiểm kê

- Việc phân loại, tổng hợp và trình bày một số thông tin tài sản khác nhau:

+ Một số TSKCHT (nhà văn hóa, thư viện thôn, xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi thể thao,...) được đơn vị phân loại và trình bày vào chỉ tiêu tài sản cố định, trong khi được kiểm kê theo nhóm TSKCHT thiết chế văn hóa - thể thao trên Báo cáo tổng kiểm kê.

+ Một số TSKCHT (nước sạch, thủy lợi,...) do các doanh nghiệp quản lý, sử dụng không được tổng hợp vào chỉ tiêu TSKCHT trên Báo cáo TCNN (chỉ tổng hợp vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này vào chỉ tiêu Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính trên Báo cáo TCNN), trong khi được tổng hợp trên Báo cáo tổng kiểm kê.

- Việc ghi nhận, kế toán, cung cấp thông tin để lập Báo cáo TCNN chưa đầy đủ, kịp thời:

+ Một số TSKCHT chưa được kế toán tại đơn vị do chưa hoàn tất việc bàn giao sau sắp xếp; thiếu cơ sở, hồ sơ pháp lý để xác định giá trị hoặc các công trình, dự án chưa được phê duyệt quyết toán nên không được tổng hợp trên Báo cáo TCNN, trong khi vẫn được kiểm kê và tổng hợp vào Báo cáo tổng kiểm kê.

Sau khi phát hiện nguyên nhân chênh lệch do việc sai sót, nhầm lẫn, địa phương đã và đang triển khai giải pháp gì để chuẩn hóa số liệu? Có khó khăn, vướng mắc gì trong quá trình triển khai?

5. Trao đổi, thảo luận một số giải pháp khắc phục chênh lệch như sau:

- Đối với các trường hợp chênh lệch do ghi nhận kế toán, sai sót trong quá trình tổng hợp báo cáo và các nguyên nhân tương tự, các đơn vị sẽ thực hiện rà soát, đối chiếu và cập nhật, điều chỉnh số liệu trong năm tiếp theo theo quy định.

- UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác quản lý, kế toán và kiểm soát nội bộ đối với tài sản công; thực hiện rà soát, đối chiếu thường xuyên giữa số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ pháp lý về tài sản, hiện trạng tài sản và số liệu trên các hệ thống quản lý, báo cáo.

- KBNN các khu vực và Sở Tài chính tăng cường phối hợp trong công tác rà soát, đối chiếu số liệu tài sản do các đơn vị cung cấp trên báo cáo tài chính với số liệu kiểm kê, qua đó kịp thời phát hiện và yêu cầu đơn vị xử lý các trường hợp chênh lệch trước khi lập Báo cáo TCNN.

6. Nội dung khác

- Danh sách các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý? Cơ cấu tổ chức bộ máy các quỹ này? Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ.

- Đơn vị có vướng mắc gì trong công tác phối hợp với KBNN trong việc gửi Báo cáo cung cấp thông tin tài chính để lập Báo cáo TCNN không?

- Có đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn cụ thể nội dung nào về công tác lập Báo cáo TCNN không?

- Các đề xuất, kiến nghị khác của địa phương (nếu có).

(Đoàn đề xuất làm việc với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, KBNN khu vực, một số phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã/phường, một số trường Tiểu học, Trung học cơ sở)

II. Về thông tin nợ chính quyền địa phương

1. Qua rà soát số liệu nợ chính quyền địa phương trên Báo cáo tài chính nhà nước năm 2025, nhận thấy số liệu dư nợ chính quyền địa phương có sự chênh lệch

---

+ Một số TSKCHT chưa được tổng hợp trên Báo cáo TCNN do đơn vị không cung cấp thông tin mặc dù đã kế toán hoặc đơn vị không thực hiện kế toán tài sản dù đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng, trong khi được kê khai và tổng hợp trên Báo cáo tổng kiểm kê.

- Sai sót trong công tác kế toán, báo cáo và kiểm kê: Sai giá trị tài sản; kế toán, báo cáo nhầm TSKCHT đường bộ vào nhóm tài sản cố định; sai đơn vị tính; trùng tài sản; báo cáo tài chính hợp nhất không tổng hợp thông tin tài chính của một số đơn vị cấp dưới.

- Một số địa phương nguyên nhân chênh lệch còn chưa cụ thể: TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội...

khá lớn giữa số liệu Sở Tài chính với Cục QLN, chủ yếu là chênh lệch số liệu vay lại nguồn vay nước ngoài của Chính phủ[2]. Nguyên nhân chênh lệch là gì?

2. Quý đơn vị có gặp khó khăn, vướng mắc gì khi thực hiện quy định về đối chiếu, thống nhất số liệu và báo cáo tình hình vay, trả nợ của chính quyền địa phương quy định tại Điều 16 Thông tư 119/2026/TT-BTC ngày 18/8/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

3. Thực hiện hướng dẫn phân loại nợ ngắn hạn, dài hạn tại Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của Sở Tài chính (theo mẫu biểu C07/CCTT - ban hành kèm theo Thông tư 51/2026/TT-BTC) có gặp khó khăn, vướng mắc gì khi triển khai thực hiện không?

4. Trao đổi, thảo luận một số giải pháp khắc phục như sau:

- Phân loại nợ ngắn hạn, dài hạn: Căn cứ thời hạn trả nợ còn lại, Sở Tài chính thực hiện phân loại lại số dư cuối năm của các khoản vay theo ngắn hạn (có thời hạn trả nợ còn lại trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính) – là số dự kiến trả nợ trong năm 2027, dài hạn (có thời trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính) là số dư nợ còn lại không bao gồm số dự kiến trong năm 2027.

- KBNN sửa đổi phương pháp hạch toán kế toán vay nợ theo nguyên tệ và VNĐ; kế toán các khoản vay nợ đã bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp (như dự án Năng lượng nông thôn II) áp dụng từ năm 2027.

- Trước mắt năm 2026, Sở Tài chính tổng hợp, cung cấp số liệu vay lại của Chính phủ, cụ thể:

+ Đối với số liệu dư nợ vay lại trực tiếp vốn vay nước ngoài của Chính phủ: Cung cấp số liệu theo số tiền VNĐ được quy đổi từ dư nợ nguyên tệ (đến hết ngày 31/12/2026 dương lịch) theo tỷ giá hạch toán tháng 12/2026 của Bộ Tài chính.

---

2 Qua rà soát số liệu nợ công năm 2025 nhận thấy một số nguyên nhân chênh lệch:

- Khác nhau về tỷ giá quy đổi và thời điểm ghi nhận khoản vay:

+ Về tỷ giá quy đổi: Số liệu nợ công do Cục QLN cung cấp là số dư nợ đã được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán tháng 12/2025 của Bộ Tài chính, trong khi nhiều Sở Tài chính tổng hợp dư nợ chính quyền địa phương năm 2025 từ số dư nợ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại các thời điểm giải ngân gửi KBNN để tổng hợp trên Báo cáo TCNN năm 2025.

+ Về thời điểm ghi nhận khoản vay: Các khoản vay được giải ngân tháng 1/2026, thuộc kế hoạch ngân sách năm 2025 và được ghi thu, ghi chi trong thời gian chỉnh lý quyết toán (tháng 01/2026) Cục QLN không tổng hợp vào số liệu dư nợ công năm 2025 (được tổng hợp vào số liệu nợ công năm 2026), nhưng nhiều Sở Tài chính tổng hợp vào số dư nợ chính quyền địa phương năm 2025 gửi KBNN, theo đó được tổng hợp trên Báo cáo TCNN năm 2025.

- Khác nhau về phạm vi xác định nợ chính quyền địa phương: Đối với các khoản vay đã bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp từ nguồn thu của chương trình, dự án (như khoản vay cho Dự án Năng lượng nông thôn II...) nhiều địa phương không ghi nhận nợ chính quyền địa phương

+ Đối với số liệu dư nợ vay lại nguồn vốn vay nước ngoài qua cơ quan ủy quyền cho vay lại: Các địa phương có khoản vay lại đã bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho doanh nghiệp cần phải cung cấp cả số liệu này (như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Gia Lai, Quảng Ngãi...) do theo quy định tại Điều 21 Nghị định 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ, đây là khoản nợ của Chính quyền địa phương được trả nợ từ nguồn thu của dự án.

(Đoàn đề xuất làm việc với Sở Tài chính, KBNN khu vực)

III. Về công tác quyết toán NSNN

1. Về công tác tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2025

(1) Đánh giá về quy trình, thời hạn tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2025 theo quy định của Luật NSNN 2025 có đảm bảo đúng thời hạn không?

(2) Việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán đối với quyết toán NSĐP năm 2025 có kịp thời thực hiện điều chỉnh trong Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2025?

Đơn vị có đề xuất thực hiện theo Điều 75 Luật NSNN năm 2025 không (điều chỉnh vào năm thực hiện kiến nghị)? Nêu lý do?

(3) Cách xác định Bội chi NSĐP có thống nhất với văn bản rà soát quyết toán của Bộ Tài chính (Vụ NSNN) không? Có đề xuất về nội dung hướng dẫn xác định Bội chi NSĐP không?

2. Về công tác phối hợp giữa KBNN và đơn vị

(1) Hiện tại công tác phối hợp giữa KBNN và đơn vị về việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thu, chi NSNN phục vụ quyết toán NSĐP hằng năm có đáp ứng yêu cầu không?

(2) Có đề xuất về thời gian KBNN phối hợp gửi số liệu thu, chi NSNN để đối chiếu, phục vụ công tác quyết toán NSĐP không?

3. Các nội dung trao đổi khác

(1) Quy định của Luật NSNN 2025 dẫn đến khó khăn, vướng mắc nào trong triển khai thực hiện công tác quyết toán NSNN trong thời gian vừa qua không?

(2) Có đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn cụ thể nội dung nào về công tác quyết toán NSNN không?

(3) Các đề xuất, kiến nghị của địa phương (nếu có).

(Đoàn đề xuất làm việc với Sở Tài chính, KBNN khu vực)